TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2019/QĐST-HNGĐ	*Huyện K, ngày 12 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện ở: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Đỗ Văn M là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Đỗ Văn M thống nhất có 02 con chung; giao cháu Đỗ Văn C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2006 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị B và anh M tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; nên chưa xem xét giải quyết. Cháu Đỗ Văn M1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1997 đã trưởng thành nên chị B và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ: Chị B, anh M đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên chưa xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị B nhận chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Đỗ Văn M đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Văn C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2006 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị B và anh M tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đỗ Văn M1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1997 đã trưởng thành, chị B và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị B và anh M tự thỏa thuận, nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị B nhận chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA.0012140 ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị B đã chịu đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Hoàng